TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HƯNG HÀ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 30-8- 2019
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯNG HÀ, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Bích Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Trần Thị Nơi
2. Ông Tống Xuân Tú

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Ông Lưu Duy Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 178/2019/TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXX-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 (có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đắc H, sinh năm 1993*(Anh H có đơn xin vắng mặt)*
Đều ở địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng n (Agribank) Chi nhánh huyện H.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Văn L - Chức vụ Phó giám đốc phụ trách điều hành.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức K - Chức vụ Phó giám đốc theo văn bản ủy quyền số 69, ngày 08-7-2019 (ông K có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Đắc H kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) xã B,

huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 09-12-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà Tận đến cuối năm 2017 thì phát sinh mâu Tẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, hơn nữa anh H không tập trung làm ăn để phát triển kinh tế gia đình, chị nhiều lần khuyên bảo nhưng anh H vẫn không sửa đổi. Vào năm 2017 chị đã khởi kiện xin ly hôn anh H nhưng sau đó chị suy nghĩ lại để cho anh H một cơ hội nhưng anh H vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng ngày càng lạnh nhạt tình cảm nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống, vợ chồng sống ly thân từ đầu năm 2018 đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh H.

Về nuôi con chung: Chị và anh H có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 06-01-2015 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 27-8-2016. Sau khi ly hôn, chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Về chia tài sản chung: Chị và anh H không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Trong quá trình chung sống, vào năm 2016 chị và anh H có bàn bạc vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) huyện H - Phòng giao dịch khu Đ số tiền 50.000.000 đồng. Khi vay do chị là người trực tiếp ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng vào ngày 10-10-2016, vay không có tài sản đảm bảo mà vay tín chấp qua giới thiệu của hội phụ nữ thôn, mục đích vay vốn để chăn nuôi lợn, đến ngày 26-12-2017 chị đã thanh toán trả hết nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi của số tiền trên cho Ngân hàng. Sau khi thanh toán xong nợ gốc và lãi cho Ngân hàng, chị tiếp tục đề nghị vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng thể hiện qua Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27-12-2017, mục đích vay để chăn nuôi, thời hạn vay là 12 tháng, kỳ hạn trả nợ vào ngày 27-12-2018, lãi suất: 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, chị mới trả cho Ngân hàng được vài tháng tiền lãi (chị không nhớ rõ), đến nay chị chưa thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi còn lại theo hợp đồng. Chị khẳng định khoản tiền vay trên là khoản vay của chị và anh H, mẹ chồng chị là bà Đinh Thị V không liên quan gì, trong quá trình làm thủ tục vay đối với Agribank huyện Hưng Hà mẹ chồng chị có ủy quyền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho chị và anh H nhưng chị không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì với Ngân hàng để vay số tiền trên nên khoản vay này không liên quan gì đến bà V. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án chia đôi số nợ trên cho chị và anh H có trách nhiệm trả cho Agribank huyện H số nợ gốc và lãi chưa trả với tổng số tiền là 58.328.767 đồng.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 10-7-2019, bị đơn anh Nguyễn Đắc H trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng nhau do đôi bên tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bắc Sơn, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình vào ngày 09-12-2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà Tận được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu Tẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày dẫn đến vợ chồng lạnh nhạt tình cảm. Vào năm 2017 chị T đã khởi kiện xin ly hôn, sau đó lại rút đơn nhưng vợ chồng không về ăn ở cùng nhau, vẫn sống ly thân từ khoảng cuối năm 2017 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị T.

Về nuôi con chung: Anh và chị T có 02 con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 06-01-2015 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 27-8-2016. Sau khi ly hôn, anh nhường chị T trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và anh không phải góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T.

Về chia tài sản chung: Anh và chị T không có tài sản chung gì nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh xác nhận vào năm 2016, chị T có vay của Agribank huyện H - Phòng giao dịch khu Đ số tiền 50.000.000 đồng để chăn nuôi lợn và kinh doanh, kỳ hạn trả nợ gốc là ngày nào, chị T đã trả được một và tháng lãi anh không nhớ rõ, đến nay vợ chồng anh còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi của số tiền trên. Anh khẳng định khoản tiền vay trên là khoản vay của anh và chị T, mẹ anh là bà Đinh Thị V không liên quan gì, trong quá trình làm thủ tục vay đối với Agribank huyện H mẹ anh có ủy quyền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh và chị T nhưng không thế chấp tài sản hay giấy tờ gì với Ngân hàng để vay số tiền trên. Nay anh và chị T ly hôn, Ngân hàng yêu cầu vợ chồng anh phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh của số tiền trên. Quan điểm của anh là anh có trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng ½ số nợ gốc và lãi của số tiền trên nhưng hiện tại anh chưa có điều kiện để thanh toán trả cho Ngân hàng nên khi nào anh có tiền thì anh sẽ trả cho Ngân hàng.

Tại bản tự khai ngày 07-8-2019 người đại diện theo ủy quyền của Agribank Chi nhánh huyện H ông Nguyễn Đức K trình bầy: Ngày 10-10-2016, Phòng giao dịch khu vực Khu Đ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Viêt Nam Chi nhánh huyện H có ký Hợp đồng tín dụng số 3407LAV201605279 đối với chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997, địa chỉ Thôn T, xã B, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình với nội dung vay số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), khi vay không có tài sản đảm bảo mà vay theo hình thức tín chấp theo NĐ 55 của Chính Phủ, mục đích vay vốn để chăn nuôi lợn; Thời hạn của hạn mức tín dụng là 36 tháng kể từ ngày 10-10-2016 (Trong thời hạn này nếu khách hàng trả hết nợ gốc và lãi cho Ngân

hàng, nếu khách hàng có nhu cầu vay thì khách hàng gửi các thông tin về dự án và ký giấy nhận nợ với Ngân hàng mà không cần ký lại Hợp đồng tín dụng). Sau khi giải ngân số tiền 50.000.000 đồng, đến ngày 26-12-2017 chị T đã thanh toán trả hết nợ gốc 50.000.000 đồng và lãi của số tiền trên cho Ngân hàng. Sau đó chị T vẫn có nhu cầu vay vốn nên tiếp tục đề nghị vay của Ngân hàng số tiền 50.000.000 đồng thể hiện qua Giấy nhận nợ kiêm báo cáo đề xuất giải ngân ngày 27-12-2017, thời hạn vay là 12 tháng, kỳ hạn trả nợ vào ngày 27-12-2018, lãi suất: 9,5%/năm, lãi suất nợ quá hạn 150% lãi suất trong hạn, lãi chậm trả: 10%/năm. Sau khi giải ngân số tiền trên chị T đã trả được cho Ngân hàng tiền lãi từ ngày 27-12-2017 đến ngày 31-12-2018, kể từ ngày 01-4-2018, chị T không trả lãi cho Ngân hàng. Đến kỳ trả nợ gốc ngày 27-12-2018 chị T không thanh toán trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi theo thỏa thuận. Tính đến ngày 30-8-2019, chị T còn nợ : 58.328.768 đồng (Năm mươi tám triệu, ba trăm hai mươi tám nghìn, bảy trăm sáu mươi tám đồng), trong đó nợ gốc là: 50.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 3.526.713 đồng, nợ lãi quá hạn là: 4.802.055 đồng.

Nếu Tòa án giải quyết cho chị T và anh H ly hôn, Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đắc H mỗi người phải thanh toán trả cho Agribank Chi nhánh huyện H ½ số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi của nợ gốc phát sinh đến thời điểm chị T và anh H thực tế thanh toán hết khoản nợ cho Ngân hàng.

Ngân hàng khẳng định trong hồ sơ vay vốn giữa Ngân hàng với chị T có tài liệu là Giấy ủy quyền, Hợp đồng ủy quyền thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất giữa bà Đinh Thị V với chị T và anh H nhưng trong Hợp đồng tín dụng số 340LAV201605279, ngày 10-10-2016 ký giữa Ngân hàng với chị T không có tài sản thế chấp nên Ngân hàng không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản thế chấp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình giám sát sự tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định, chị T và anh H đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân, đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đắc H; về nuôi con chung: giao cả 02 con chung Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 06-01-2015 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 27-8-2016 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng chị T; về chia tài sản chung: Không có nên không xem xét giải quyết; về nợ chung: Buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đắc H mỗi người phải trả cho Agribank Chi nhánh huyện H số tiền

là 29.164.384 đồng tiền gốc và lãi. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm, chị T và anh H phải chịu tiền án phí về nghĩa vụ nợ chung theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu được ly hôn anh Nguyễn Đức H, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án Thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình

Anh H và ông K có đơn xin giải quyết vắng mặt, vì vậy Tòa án nhân dân huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình không tiến hành hòa giải vụ án án ly hôn giữa chị T và anh H và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T kết hôn với anh Nguyễn Đắc H tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện H, tỉnh Thái Bình vào ngày 09-12-2014, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không bảo ban được nhau trong cuộc sống hàng ngày, đôi bên không khắc phục được và đã ly thân từ cuối năm 2017 đến nay. Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh H đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T có đơn xin ly hôn, anh H nhất trí ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về nuôi con chung: Chị T và anh H 02 con chung là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 06-01-2015 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 27-8-2016, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả 02 con chung không yêu cầu anh H góp cấp dưỡng nuôi con cùng chị T, anh H nhất trí. Vì vậy cần giao cả 02 con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc chị T nuôi con hoàn toàn, không yêu cầu anh H góp cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung: Chị T và anh H đều trình bầy không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về nợ chung: Chị T và anh H đều xác nhận vợ chồng còn nợ của Agribank chi nhánh huyện H phòng giao dịch khu Đ số tiền là 50.000.000 đồng, đến nay chị và anh H chưa trả số tiền trên theo Hợp đồng tín dụng số 3407LAV201605279 ngày 10-10-2016, đề nghị Tòa án chia đôi số tiền nợ gốc và lãi trên để trả cho Agribank chi nhánh huyện Hưng Hà. Người đại diện theo ủy quyền của Agribank chi nhánh huyện

H đề nghị Tòa án buộc chị T và anh H mỗi người có trách nhiệm trả cho Agribank chi nhánh huyện H ½ số nợ gốc và lãi của số tiền trên, đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi theo hợp đồng tín dụng đối với anh H, chị T cho đến khi chị T và anh H thực tế thanh toán hết các khoản nợ cho Ngân hàng. Vì vậy cần buộc chị T và anh H mỗi người có trách nhiệm trả cho Agribank Chi nhánh huyện H tạm tính đến ngày xét xử (30-8-2019) số tiền là 29.164.384 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Trong hồ sơ vay vốn giữa chị T và Ngân hàng ký vào ngày 10-10-2016 có Hợp đồng ủy quyền thế chấp quyền sử dụng đất giữa bà Đinh Thị V với chị T và anh H xong chị T, anh H, ông K đều khẳng định đây là khoản nợ của chị T và anh H, chị T vay tiền của Ngân hàng không thế chấp tài sản gì, Ngân hàng yêu cầu chị T và anh H có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng, không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản thế chấp. Tại biên bản xác minh đối với bà V thể hiện bà có ký hợp đồng ủy quyền thế chấp quyền sử dụng đất cho chị T và anh H nhưng chị T không thế chấp để vay số tiền 50.000.000 đồng trên, khoản vay này là chị T và anh H vay, bà không liên quan gì. Vì vậy bà V không liên quan đến khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 340LAV201605279, ngày 10-10-2016.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chị T và anh H phải chịu án phí về nghĩa vụ nợ chung theo quy định của pháp luật.

[7] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà về hướng giải quyết vụ án phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đắc H.

2.Về nuôi con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày 06-01-2015 và Nguyễn Đức H, sinh ngày 27-8-2016. Anh H không phải thực hiện trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Xử buộc chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Đắc H, mỗi người phải thanh toán trả cho Ngân hàng n Chi nhánh huyện H tính đến ngày 30-8-2019 số tiền 29.164.384 đồng (Hai mươi chín triệu, một trăm sáu tư nghìn, ba trăm tám tư đồng).

Kể từ ngày người có đơn yêu cầu thi hành án hợp lệ nếu người phải thi hành không thi hành khoản tiền trên thì còn phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5.*Về án phí:* Chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và phải chịu 1.458.219 đồn (Một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng) tiền án phí nghĩa vụ trả nợ chung. Chuyển số tiền 1.550.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 00056399 ngày 24-6-2019 và số 0005677, ngày 18-7-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình thành tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và tiền án phí nghĩa vụ trả nợ chung, chị T còn phải nộp 208.219 đồng (Hai trăm linh tám nghìn, hai trăm mười tám đồng). Anh H phải chịu 1.458.219 đồng (Một triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn hai trăm mười chín đồng) tiền án phí nghĩa vụ trả nợ chung.

6.*Về quyền kháng cáo:* Chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Đắc H và ông Nguyễn Đức K có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- UBND xã B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Bích Thủy

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Bích Thủy